

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **804/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-10-2019.
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà N.T.L.L.

2. Bà V.N.T.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông N.A.T – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà N.T.D.T – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 375/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Anh K**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: đường P, Phường U, Quận Y, TP.HCM.

Tạm trú: đường B, Phường U, Quận Y, TP.HCM.(có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** **Chị D**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: đường P, Phường U, Quận Y, TP.HCM.(vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh K trình bày:

Anh và Chị D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 1997, giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyền số 01/97 của Ủy ban nhân dân Phường I, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/1997.

Sau khi kết hôn, cả hai chung sống tại nhà của Chị D, địa chỉ đường P, Phường U, Quận Y, TP.HCM. Thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng bình thường. Bắt đầu từ tháng 11/2018, hai người bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hoà hợp làm cho tình cảm vợ chồng dần mất đi. Hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị D thường

xuyên đi chơi bất cần lời khuyên của chồng, do đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần hòa giải nhưng không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2018, Anh K đã chuyển ra nhà trọ bên ngoài sinh sống tại Phường I, Quận Y.

Nay Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu được ly hôn với Chị D.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đ.T.X, sinh ngày 27/01/1998(đã trưởng thành) và Đ.T.T, sinh ngày 05/01/2003. Anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đ.T.T, không yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Anh K không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Ngày 07/5/2019 Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu Đ.T.T, cháu có nguyện vọng là: “*được sống với ba...* ”.

Bị đơn: Chị D vắng mặt không lý do, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Chị D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn Chị D vắng mặt. Nguyên đơn Anh K có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như trình tự thủ tục tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, xét thấy các bên đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc sống ly thân, các bên không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống nên căn cứ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung chấp nhận yêu cầu của Anh K, giao con chung tên Đ.T.T cho Anh K được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, các đương sự tự khai không có nên không giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận Y nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh K và Chị D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 1997, giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/97 của Ủy ban nhân dân Phường I, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/1997 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, bắt đầu từ tháng 11/2018, hai người xảy ra mâu thuẫn do có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hoà hợp làm cho tình cảm vợ chồng dần mất đi. Hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị D thường xuyên đi chơi bất cần lời khuyên của chồng, do đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhiều lần hòa giải nhưng không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2018, Anh K đã chuyển ra nhà trọ bên ngoài sinh sống tại Phường I, Quận Y.

Anh K xác định hiện nay anh không còn tình cảm với Chị D, nên anh yêu cầu được ly hôn với Chị D.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Đối với quan hệ vợ chồng giữa chị và anh thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11/2018 cho đến nay, vì vậy yêu cầu được ly hôn của Anh K Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Đ.T.X, sinh ngày 27/01/1998 (đã trưởng thành) và Đ.T.T, sinh ngày 05/01/2003. Anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đ.T.T, không yêu cầu Chị D cấp dưỡng, ngày 07/5/2019 Tòa án đã tiến hành ghi nhận nguyện vọng của cháu Đ.T.T, cháu có nguyện vọng là: “*được sống với ba...*”.

Ngày 10/6/2019 Tòa án nhân dân Quận Y có công văn số 86/TAQ6-2 về việc xác minh tình trạng hôn nhân gửi đến Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y để xác minh. Ngày 19/8/2019 Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y có kết quả trả lời xác minh như sau: “*Hai bên không hòa đồng cách sống, nợ vợ chồng không trả được nên chia tay, đã không ở địa phương gần 1 năm từ tháng 10/2018 đến nay cũng không liên lạc được...con đã theo cha mượn nhà ở đâu nhà vợ không biết*”.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, kết quả trả lời xác minh của Ủy ban nhân dân Phường U, Quận Y thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh K trình bày có nhờ Luật sư T.H.D tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đến hết giai đoạn hòa giải, nên Tòa án

không triệu tập luật sư T.H.D trong quá trình tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh K.

Về quan hệ hôn nhân: Anh K được ly hôn với Chị D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đ.T.T, sinh ngày 05/01/2003 cho Anh K được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Anh K không yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi con.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27, quyển số 01/97 của Ủy ban nhân dân Phường I, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/3/1997 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0010830 ngày 14/02/2019 của Chi Cục Thi hành án Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh K đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- UBND P.I,Q.Y;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Sang